

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2022/DS-ST**  
Ngày: 06 - 7 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên **tòa số 55** 2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Q. Địa chỉ: Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Bùi Đăng D, chức vụ- Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; vắng mặt

Ông Lê Anh Ph, chức vụ- Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; có mặt

Ông Nguyễn Trường Ch, chức vụ- Cán bộ Ngân hàng TMCP Q; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q (theo văn bản ủy quyền số 42814.21 ngày 01/7/2021).

**- Bị đơn:**

+ Bà Phạm Thị Tuyết L, sinh năm 1987;

+ Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Tổ 66, Khu phố 7, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2021 (nộp tại Tòa án ngày 13/10/2021) và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn ông Lê Anh Ph trình bày:**

Ngày 31/7/2018, Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B- Phòng giao dịch T và ông Nguyễn Minh L, bà Phạm Thị Tuyết L đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 2018.0354.HĐTD.640. Theo nội dung hợp đồng, ông Lý, bà L vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô tải, hiệu SuZuKi, BKS 61C-347.34, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,39%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày nhận nợ, mức lãi suất được định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần.

Tài sản thế chấp để đảm bảo khoản vay là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: SuZuKi, số khung MHYGDN71TJJ402199, số máy: G16ALD300941, biển kiểm soát: 61C-347.34 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Minh L ngày 30/7/2018 theo Hợp đồng thế chấp số 2018.0354.HĐTC.640 ngày 31/7/2018.

Ngày 29/10/2019, ông L và bà L có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành thẻ tín dụng cho ông L, bà L mới hạn mức tín dụng 25.000.000đ, lại thẻ VIB CLASSIC CREDIT CARD, thời hạn thẻ là 03 năm kể từ ngày 29/10/2019; mục đích vay tiêu dùng; lãi suất cho vay 3,33%/tháng và được thay đổi theo thông báo của Ngân hàng ghi trong sao kê.

Quá trình vay, ông L và bà L đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 114.170.228đ, trong đó nợ gốc 79.274.990đ và tiền lãi 34.895.238đ theo Hợp đồng tín dụng số 2018.0354.HĐTD.640 ngày 31/7/2018. Kể từ ngày 23/6/2021 đến nay ông L và bà L không trả cho ngân hàng thêm khoản nào kể cả số tiền theo hợp đồng tín dụng cũng như số tiền theo đơn yêu cầu phát hành thẻ khác dù đã được Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông L và bà L trả nợ nhưng ông L và bà L vẫn không trả nên buộc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

+ Buộc bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/6/2022 là 373.220.115đ, trong đó:

- Tiền nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 2018.0354.HĐTD.640 ngày 31/7/2018 là 170.725.010đ, nợ lãi 79.482.640đ, tổng cộng 250.207.650đ.

- Tiền dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 28/6/2022 là 123.012.465đ.

+ Ngoài ra, bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L còn phải chịu toàn bộ các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q, theo hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/10/2019 mà hai bên đã ký kết.

- Về xử lý tài sản thế chấp: 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: SuZuKi, số khung MHYGDN71TJJ402199, số máy: G16ALD300941, biển kiểm soát: 61C-347.34 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Minh L ngày

30/7/2018 nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ cũng như đã được đăng trên báo Thanh niên 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 28, 29, 30 tháng 4 năm 2022 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (VOV AMS) trong 03 ngày liên tiếp 3, 4, 5/5/2022 nhưng đến nay bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 2018.0354.HĐTD.640 ngày 31/7/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B- Phòng giao dịch T và ông Nguyễn Minh L, bà Phạm Thị Tuyết L là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất và được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: SuZuKi, số khung MHYGDN71TJJ402199, số máy: G16ALD300941, biển kiểm soát: 61C-347.34 mang tên Nguyễn Minh L. Căn cứ vào Khế ước nhận nợ số 2018.0354.KUNN.640 ngày 01/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP Q – Chi nhánh B- Phòng giao dịch T và ông Nguyễn Minh L, bà Phạm Thị Tuyết L thì ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 250.000.000đ cho ông L, bà L vào ngày 01/8/2018.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông L, bà L chỉ trả được cho ngân hàng số tiền 114.170.228đ, trong đó nợ gốc 79.274.990đ và tiền lãi 34.895.238đ. Số tiền nợ gốc còn

lại 170.725.010đ bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn lại 170.725.010đ tính đến ngày 28/6/2021 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2] Xét mức lãi suất, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn, thấy rằng: Theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 11 Quy chế cho vay thì ngân hàng và ông L được quyền thỏa thuận mức lãi suất cho vay theo quy định pháp luật. Do đó, việc thỏa thuận mức lãi suất cho vay, điều chỉnh lãi suất định kỳ 3 tháng/lần trong biên độ và lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ghi trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ là không trái quy định pháp luật. Vì vậy, khi ông L, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng yêu cầu ông L, bà L tiền lãi tính đến ngày 28/6/2022 với số tiền 79.482.640đ là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Đối với dư thẻ tín dụng là 123.012.465đ: Xét thấy: Căn cứ Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/10/2019, Ngân hàng TMCP Q đồng ý cho ông L vay thông qua sử dụng thẻ tín dụng VIB CLASSIC CREDIT CARD với hạn mức tín dụng là 25.000.000<sup>d</sup>. Việc các bên thực hiện giao dịch tín dụng theo yêu cầu gia hạn thẻ tín dụng của ông L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Theo như bảng sao kê tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 28/6/2022 mà ngân hàng đã cung cấp thì số tiền ông L đang còn nợ ngân hàng số tiền 123.012.465đ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán là hoàn toàn phù hợp.

Tuy nhiên, theo như Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/10/2019 thì chỉ được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Nguyễn Minh L, còn bà Phạm Thị Tuyết L hoàn toàn không ký tên trong đơn yêu cầu nên việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L và ông L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ngân hàng số tiền 123.012.465đ là không có căn cứ mà chỉ có căn cứ buộc ông L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền thẻ tín dụng VIB CLASSIC CREDIT CARD 123.012.465đ

[3.4] Đối với tài sản thế chấp: 01 xe ô tô tải, nhãn hiệu: SuZuKi, số khung MHYGDN71TJJ402199, số máy: G16ALD300941, biển kiểm soát: 61C-347.34: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng và án phí:

+ Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 4.630.909đ, ngân hàng phải chịu số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng đã nộp xong.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông L, bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật; hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 250.207.650đ (Hai trăm năm mươi triệu hai trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 170.725.010đ (Một trăm bảy mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn không trăm mười nghìn đồng) và tiền lãi 79.482.640đ (Bảy mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) tính đến ngày 28/6/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 2018.0354.HĐTD.640 ngày 31/7/2018.

Kể từ ngày 29/6/2022 đến khi thi hành án xong, bà L và ông L còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2018.0354.HĐTD.640 ngày 31/7/2018, khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết.

Sau khi bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Thị Tuyết L, ông Nguyễn Minh L 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 075863 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông L ngày 30/7/2018.

- Buộc ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm thanh toán số tiền dư nợ thẻ tín dụng là 123.012.465đ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) tính đến ngày 28/6/2022 theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/10/2019.

Kể từ ngày 29/6/2022 đến khi thi hành án xong ông L còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận trong Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/10/2019.

**2.** Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu bà Phạm Thị Tuyết L có trách nhiệm liên đới cùng với ông Nguyễn Minh L thanh toán cho Ngân hàng số tiền dư nợ thẻ tín dụng là 123.012.465đ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) theo đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 29/10/2019.

**3.** Về xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

**4.** Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng TMCP Q phải chịu số tiền là 4.630.909đ (Bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn chín trăm lẻ chín đồng) được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp trước đây tại Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Phạm Thị Tuyết L phải chịu số tiền 6.255.191đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn một trăm chín mươi một đồng).

+ Ông Nguyễn Minh L phải chịu số tiền 12.405.814đ (Mười hai triệu bốn trăm lẻ năm nghìn tám trăm mười bốn đồng).

+ Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.196.000đ (Bảy triệu một trăm chín mươi sáu nghìn đồng) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu số AA/2021-0001028, ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

**5.** Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**6.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục thi hành án dân sự TP TDM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Hằng**